

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẢI LĂNG  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/4/2024

*“V/v ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn **Trâm**

2. Bà Trương Thị Kim Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đăng Chấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX - ST ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Lê P, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh Tsinh năm 1997; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2024, biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2024, biên bản hòa giải ngày 22/3/2024, biên bản hòa giải ngày 05/4/2024 và tại phiên tòa anh Lê P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã Phuyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, hai bên sống tại nhà chồng; trong quá trình chung sống do tính tình không hoà hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn, sống được gần 04 tháng thì chị T về nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị và hai bên sống ly thân từ đó cho đến nay, tình cảm vợ chồng nay không còn nên anh P xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Hữu P1, sinh ngày 21/6/2019. Anh P có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P1 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2024, biên bản hòa giải ngày 22/3/2024, Biên bản hòa giải ngày 05/4/2024 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thanh Trình bày: Về thời gian kết hôn và nơi đăng ký như anh Lê Trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hoà hợp nên chị về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12/2018 và hai bên sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng nay không còn; nay anh Pyêu cầu giải quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Hữu P1, sinh ngày 21/6/2019. Cháu P1 được chị chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ cho đến nay và đang ở với chị; nên chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P1 và yêu cầu anh Lê P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu P1 thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

*-Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28, 35, 39, 97, 173, 195, 196, 203, 208, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn anh Lê P đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh Trình bày đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh P và chị T có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã Phuyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên không sống cùng với nhau. Tại các phiên hòa giải ngày 22/3/2024 và ngày 05/4/2024 anh P và chị T đều thuận tình ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê P và chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Lê Hữu P1 sinh ngày 21/6/2019 được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo việc học tập từ nhỏ cho đến nay, cần giao cháu P1 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu P1 thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh Lê P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Anh Lê P và chị Nguyễn Thị Thanh T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Anh Lê P và chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn tự nguyện vào năm 2018 tại UBND xã Phuyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tính tình không hòa hợp, hai bên đã sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, hai bên không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm không còn; tại biên bản hòa giải ngày 22/3/2024 và biên bản hòa giải ngày 05/4/2024 anh P và chị T đều yêu cầu được ly hôn. Thấy rằng, mục đích hôn nhân giữa anh Lê P và chị Nguyễn Thị Thanh T không đạt được, nên căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê P và chị Nguyễn Thị Thanh T.

[4] Về nuôi con chung: Anh P và chị T có 01 con chung là Lê Hữu P1 sinh ngày 21/6/2019. Anh Lê P có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Thị Thanh T cũng có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu P1 thành niên và có khả năng lao động.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu Lê Hữu P1 ở với mẹ từ khi sinh ra cho đến nay, do công việc làm nghề thợ mộc, anh Lê P hay đi làm ăn xa nhưng hàng tháng có về thăm con và mỗi tháng đều cho con từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng; đơn xác nhận thông tin cá nhân của UBND xã Phuyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế xác nhận anh Lê P làm nghề thợ mộc, thu nhập từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/tháng. Tại văn bản xác nhận ngày 25/3/2024 của UBND xã Huyện H, tỉnh Quảng Trị xác nhận chị Nguyễn Thị Thanh T làm nghề thợ may 8.500.000 đồng/tháng và thu nhập từ nguồn chăn nuôi 1.500.000

đồng/tháng, có nơi ở ổn định; tại văn bản xác nhận ngày 25/3/2024 của Trường Mầm non xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị xác nhận cháu Lê Hữu P1 đã học tại trường 02 năm, được chị T đưa đón học tập hàng ngày và nộp các khoản theo quy định của nhà trường gồm tiền học phí 2.144.000 đồng/năm, tiền học tiếng anh 720.000 đồng/năm, tiền ăn 300.000 đồng/năm và tại biên bản xác minh ngày 25/3/2024 Hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị cũng xác nhận cháu Lê Hữu P1 sinh ngày 21/6/2019 được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo việc học tập cho cháu từ nhỏ cho đến nay, đề nghị Tòa án xem xét giao cháu P1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện sinh sống, học tập.

Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Lê Hữu P1 sinh ngày 21/6/2019 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Lê P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Lê P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 55, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

**Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê P và chị Nguyễn Thị Thanh T.

**Về nuôi con chung:** Xử giao cháu Lê Hữu P1, sinh ngày 21/6/2019 cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 5/2024 cho đến khi cháu Lê Hữu P1 thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Anh Lê P phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số BLTU/2023/0000130 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Anh Lê P còn phải nộp thêm 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- Chi cục THADS huyện Hải Lăng;
- UBND xã Phú Dương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Hoan**